

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114 / 2023/ HNGĐ - ST

Ngày: 25/ 9/ 2023

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THA HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông Trần Đình Tú – Thư ký TAND T phố ThA Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố ThA Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số: 368/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/ 2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T - Sinh năm 1981

Nơi cư trú: SN 11/51 đường Trần Xuân Soạn, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: A Nguyễn Duy B – Sinh năm 1981

Nơi cư trú: SN 11/51 đường Trần Xuân Soạn, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh B (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hồ Thị T và A Nguyễn Duy B kết hôn với nhau vào năm 2006, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Thọ, T phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn A chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do A chị bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã nhiều lần A B đánh đập chị.

Quá trình vợ chồng mâu thuẫn đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Mặt khác và năm 2022, chị T cũng đã đơn xin ly hôn đến Tòa án, sau đó chị lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được.

Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với A với chị B thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A B.

Về con chung: Chị T và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồ Hồng N, sinh ngày 13/ 5/ 2008 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/10/2015.

Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con và yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/ tháng (cả 02 cháu là 2.000.000đ/ tháng).

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và trực tiếp gọi điện thoại cho anh B, nhưng anh B không hợp tác đến Tòa án để làm việc.

Kết quả thu thập chứng cứ và xác minh tại chính quyền địa phương: Chị T và anh B kết hôn với nhau vào năm 2006. Sau khi kết hôn A chị về chung sống tại SN 11/51 đường Trần Xuân Soạn, Phường Đông Thọ, T phố Thanh Hóa.

Quá trình chung sống A, chị có phát sinh mâu thuẫn, đã được chính quyền khu phố hòa giải, nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng.

Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh B thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho A B, nhưng tại phiên tòa anh B vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện VKS:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82, và 83 của Luật HNGĐ; Điểm a Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự và NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hồ Thị T

- Về con chung: Chị T và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồ Hồng N, sinh ngày 13/ 5/ 2008 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/10/2015.

Ly hôn, giao cả 02 con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Hồ Thị T mỗi cháu

1.000.000đ/ 01 tháng (Cả 02 cháu là 2.000.000đ/ 01 tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử ly hôn (Tháng 9 năm 2023) đến khi các con T niên.

Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Duy B phải chịu tiền án phí về cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại Thành phố Thanh Hóa, là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, Anh Nguyễn Duy B đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[2] *Về hôn nhân*: Anh B và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị xảy ra mâu thuẫn, tuy hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau, nhưng anh chị vẫn sống chung nhà. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh B, nhưng anh B vẫn không hợp tác đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình và không tham gia phiên hòa giải. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật HNGĐ xử cho chị Hồ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy B.

[3] *Về con chung*: Chị Hồ Thị T và A Nguyễn Duy B có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồ Hồng N, sinh ngày 13/ 5/ 2008 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/10/2015.

Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu A B cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/ tháng. Mặt khác cả 02 cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị Hồ Thị T.

Xét nguyện vọng được nuôi con của chị T là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với thực tế. Do đó HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. A Nguyễn Duy B cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu 1.000.000đ/ 01 tháng (Cả 02 cháu là 2.000.000đ/ 01 tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử ly hôn (Tháng 9 năm 2023) đến khi các con T niên.

Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

[4] Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Duy B phải chịu án phí về cấp dưỡng định kỳ, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27; Điểm a Khoản 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a Khoản 2 Điều 482; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a Khoản 5 Điều 27; Điểm a Khoản 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy B.

2. Về con chung: Chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Duy B có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồ Hồng N, sinh ngày 13/ 5/ 2008 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/10/2015.

Ly hôn, giao cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Nguyễn Hồ Hồng N, sinh ngày 13/ 5/ 2008 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/10/2015.

Anh Nguyễn Duy B cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Hồ Thị T mỗi cháu 1.000.000đ/ 01 tháng (Cả 02 cháu là 2.000.000đ/ 01 tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử ly hôn (Tháng 9 năm 2023) đến khi các con T niên.

Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về tài sản, công nợ: Chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Duy B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003213 ngày 17/ 7/ 2023 của Chi cục THADS T phố Thanh Hoá (Chị T đã nộp đủ tiền án phí).

Anh Nguyễn Duy B phải nộp 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng định kỳ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Duy B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP ThA Hoá;
- Chi cục THADS TP ThA Hoá;
- UBND p. Đ T;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

1. Ông Trịnh Xuân Tính

2. Ông Lê Văn Tú

Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hương

